

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Kinh tế
Mã ngành: 52310101

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** đào tạo cử nhân kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, có năng lực chuyên môn về kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Kinh tế với 05 chuyên ngành và phân công các khoa phụ trách.

Khoa Kinh tế

- Chuyên ngành Kinh tế kế hoạch và đầu tư
- Chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực
- Chuyên ngành Thẩm định giá
- Chuyên ngành Kinh tế Bất động sản

Khoa Lý luận chính trị

- Chuyên ngành Kinh tế chính trị

7.1 Chuyên ngành Kinh tế Kế hoạch và Đầu tư

7.1.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về kinh tế và quản lý để: có kiến thức tổng hợp, nhận dạng được cấu trúc và xu hướng phát triển kinh tế xã hội ở tầm vĩ mô; có khả năng đánh giá, phân tích các chiến lược, chính sách vĩ mô, kế hoạch, chương trình phát triển; có khả năng xây dựng và quản trị các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển trong phạm vi công tác. Sinh viên tốt nghiệp có thể công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước, các viện, trường đại học cao đẳng khối kinh tế, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các tổng công ty, các doanh nghiệp và các tổ chức, chương trình nghiên cứu hỗ trợ phát triển.

7.1.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	35		
11	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	KT	
12	Địa lý kinh tế	2	KT	
13	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	KT	
14	Thẩm định dự án	3	KT	
15	Luật đầu tư	3	Luật	
16	Quản trị vận hành	3	KT	
17	Kỹ thuật phân tích chính sách	3	KT	
18	Quản trị dự án	3	KT	
19	Thực hành thẩm định dự án	3	KT	
20	Kế hoạch và chính sách kinh tế, xã hội	3	KT	
21	Marketing và phát triển kinh tế địa phương	3	KT	
22	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	KT	

	Học phần tự chọn	6		
23	Thị trường chứng khoán	3	NH	Chọn 1 trong 3
	Tài chính quốc tế		TC	
	Quản trị rủi ro		QTKD	
24	Đầu tư tài chính	3	TC	Chọn 1 trong 3
	Kỹ năng giao tiếp kinh doanh		KT	
	Tài chính doanh nghiệp		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.2 Chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực

7.2.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức cần thiết để quản lý nguồn lao động ở cả tầm vĩ mô và vi mô (đặc biệt là ở các doanh nghiệp). Nội dung bao gồm: nguồn lao động, quản lý và sử dụng lao động, các hình thức thù lao; nghiên cứu dân số khía cạnh là nguồn của lao động, dân số trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội; lao động, tiền lương, quản trị nhân sự, tổ chức lao động khoa học, định mức lao động, các vấn đề tâm lý trong quản lý lao động. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan quản lý vĩ mô ở trung ương như các bộ, cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu cho đến các phòng tổ chức cán bộ, quản trị nhân sự của các cơ quan, doanh nghiệp.

7.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	

10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	36		
11	Kinh tế học lao động	3	KT	
12	Hành vi tổ chức	3	KT	
13	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	KT	
14	Thẩm định dự án	3	KT	
15	Quản trị chất lượng	2	QTKD	
16	Tâm lý quản lý	3	KT	Học sau 12
17	Giao tế nhân sự	2	KT	
18	Bảo trợ xã hội	3	KT	
19	Định mức lao động	3	KT	
20	Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp	3	KT	
21	Dân số học	3	KT	
22	Quản trị nguồn nhân lực	3	KT	
23	Luật lao động	2	Luật	
	Học phần tự chọn	5		
24	Kinh tế công cộng	3	KT	Chọn 1 trong 3
	Thị trường chứng khoán		NH	
	Marketing căn bản		TM-DL-MAR	
25	Quản trị văn phòng	2	KT	Chọn 1 trong 3
	Soạn thảo văn bản			
	Các kỹ năng mềm			
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.3 Chuyên ngành Thẩm định giá

7.3.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế với các mục tiêu cụ thể: có kiến thức và năng lực chuyên môn trong việc thẩm định giá các loại tài sản trong nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập; có khả năng thẩm định giá các loại tài sản quan trọng trong nền kinh tế như bất động sản, định giá thành và giá bán các loại sản phẩm, thẩm định các dự án đầu tư của các tổ chức tư nhân, chính phủ và phi chính phủ; có kỹ năng giao tiếp và phối hợp với các tổ chức thẩm định giá trong nước và quốc tế, tư vấn cho khách hàng thông qua việc cung cấp các loại dịch vụ thẩm định giá cho loại tài sản. Sinh viên tốt nghiệp có thể công tác tại các công ty kiểm toán, các sàn giao dịch bất động sản, các trung tâm đấu giá của phòng thi hành án thuộc sở tư pháp, các phòng vật giá, các trung tâm dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản thuộc sở tài chính; hội đồng thẩm định giá trị doanh nghiệp nhà nước của các bộ, ngành, tỉnh, tổng công ty, các trung tâm, phòng thẩm định giá thuộc sở tài nguyên môi trường, các ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại.

7.3.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	36		
11	Tài chính doanh nghiệp	3	TC	
12	Kế toán tài chính	3	KT-KT	Học sau 7
13	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	KT	
14	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	NH	
15	Nguyên lý thẩm định giá	3	KT	

16	Thuế	3	TCC	
17	Thẩm định giá bất động sản	3	KT	Học sau 15
18	Thẩm định giá máy móc thiết bị	3	KT	Học sau 15
19	Thẩm định giá trị thương hiệu	3	KT	Học sau 11,15
20	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	KT	Học sau 11,15
21	Thẩm định dự án	3	KT	Học sau 11
22	Thẩm định tín dụng	3	NH	Học sau 14,15
	Học phần tự chọn	5		
23	Luật doanh nghiệp	3	Luật	Chọn 1 trong 3
	Luật đất đai			
	Luật kinh doanh bất động sản			
24	Môi giới bất động sản	2	KT	
	Quy hoạch sử dụng đất			
	Đầu tư và tài chính bất động sản			Học sau 11
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.4 Chuyên ngành Kinh tế Bất động sản

7.4.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo sinh viên có nền tảng kiến thức đa dạng về kinh tế, tài chính, luật và kinh doanh bất động sản, đồng thời trang bị cho họ kỹ năng thực hành để có thể tạo ra và quản lý tài sản hiệu quả trong bối cảnh một nền kinh tế đang chuyển đổi và hội nhập. Sinh viên kinh tế tốt nghiệp chuyên ngành bất động sản có thể làm trong các tổ chức khu vực công và khu vực tư nhân mà các tổ chức này có liên quan đến việc sở hữu, phát triển, sử dụng hoặc quản lý đất đai, tài sản công ty. Các sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có thể trở thành các nhà kinh doanh bất động sản.

7.4.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	

4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	36		
11	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	KT	
12	Tài chính doanh nghiệp	3	TC	
13	Kinh tế nông nghiệp và quản lý đất đai	3	KT	
14	Luật kinh doanh bất động sản	3	Luật	
15	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	KT	
16	Thẩm định dự án	3	KT	
17	Nguyên lý bất động sản	3	KT	
18	Kinh tế bất động sản	3	KT	
19	Thẩm định giá bất động sản	3	KT	
20	Đầu tư và tài chính bất động sản	3	KT	
21	Quản trị dự án bất động sản	3	KT	
22	Phát triển bất động sản	3	KT	
	Học phần tự chọn	5		
23	Địa lý kinh tế	2	KT	Chọn 1 trong 3 môn
	Thuế		TCC	
	Tài chính quốc tế		TC	
24	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản	3	KT	Chọn 1 trong 3 môn
	Quy hoạch sử dụng đất		KT	
	Đầu tư tài chính		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.5 Chuyên ngành Kinh tế chính trị

7.5.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế chính trị có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có lập trường chính trị vững vàng, có sức khỏe, có năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong sự nghiệp xây dựng đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực. Cử nhân kinh tế chính trị được trang bị những kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội để có năng lực phân tích, đánh giá và tham gia hoạch định các chính sách kinh tế. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học và cao đẳng, các cơ sở nghiên cứu, các cơ quan hoạch định chính sách hoặc quản lý kinh tế ở trung ương và địa phương ... Khi được trang bị thêm một số kiến thức chuyên môn, cử nhân kinh tế chính trị có thể làm việc tại các doanh nghiệp.

7.5.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức cơ sở ngành và ngành	24		
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	LLCT	
2	Tâm lý học quản lý (Hành vi tổ chức)	2	QTKD	
3	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
4	Lý luận về nhà nước và pháp luật (Nhà nước và pháp luật)	3	Luật	
5	Quan hệ quốc tế	2	LLCT	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT	
7	Khoa học quản lý (Quản trị học)	3	QTKD	
8	Tài chính công	2	TCC	
9	Kinh tế lao động và Quản lý nguồn nhân lực	2	KT	
10	Quản lý kinh tế	3	LLCT	
	Kiến thức chuyên ngành và bổ trợ	34		
11	Kinh tế chính trị phần chủ nghĩa tư bản	4	LLCT	
12	Kinh tế chính trị phần thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	4	LLCT	
13	Triết học phần	3	LLCT	
14	Triết học phần	3	LLCT	
15	Kinh tế công	3	KT	
16	Luật kinh tế	3	Luật	

17	Chính trị học	3	LLCT	
18	Khoa học hành chính	3	KT	
19	Kinh tế các nước Đông Nam Á	2	KT	
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	KT	
21	Kinh tế nông nghiệp	2	KT	
22	Báo cáo ngoại khóa	2	LLCT	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	68		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Mã ngành: 52340101

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** đào tạo cử nhân kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới. Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với 01 chuyên ngành do khoa Quản trị kinh doanh phụ trách.

7.1 Chuyên ngành Quản trị

7.1.1 Mục tiêu đào tạo: chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên kiến thức hiện đại về quản trị kinh doanh và những bài học kinh nghiệm quản lý của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm giúp họ có những kỹ năng cần thiết và phẩm chất phù hợp để quản lý doanh nghiệp một cách khoa học và có hiệu quả cao. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, công ty, tổng công ty, các đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực: sản xuất, dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, tiền tệ.

7.1.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	25		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	

4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	3	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	2	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	2	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	36		
11	Tổ chức Hệ thống thông tin	2	QTKD	
12	Nghiên cứu thị trường	2	QTKD	
13	Quản trị chiến lược	2	QTKD	
14	Quản trị nguồn nhân lực	2	QTKD	Học sau 20
15	Quản trị tài chính	3	QTKD	Học sau 11
16	Quản trị sản xuất	3	QTKD	
17	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	2	QTKD	Học sau 11,15,16
18	Quản trị marketing	2	TM-DL-MAR	
19	Giao tiếp kinh doanh	2	QTKD	Học sau 14
20	Hành vi tổ chức	2	QTKD	
21	Quản trị chất lượng	2	QTKD	
22	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	QTKD	Học sau 13,14,15,16
23	Quản trị rủi ro	2	QTKD	Học sau 15
24	Quản trị dự án	2	QTKD	Học sau 17
25	Lập kế hoạch kinh doanh	2	QTKD	Học sau cùng
26	Quản trị công nghệ	2	QTKD	
27	Nghệ thuật lãnh đạo	2	QTKD	
	Học phần tự chọn	6		
28	Kế toán quản trị	2	KT-KT	Chọn 1 trong 2
	Đạo đức kinh doanh		QTKD	

29	Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn	2	QTKD	Chọn 1 trong 2
	Hệ thống quản lý không lỗi			
30	Thanh toán quốc tế	2	NH	Chọn 1 trong 2
	Luật doanh nghiệp		Luật	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	77		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế
Mã ngành: 52340120

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng để cạnh tranh hiệu quả trong môi trường kinh doanh toàn cầu luôn thay đổi. Chương trình được thiết kế tập trung vào xây dựng chiến lược, ra quyết định, giải quyết vấn đề, và quản lý công nghệ để đáp ứng các yêu cầu đặc biệt của các nhà lãnh đạo kinh doanh quốc tế. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có được những kiến thức đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của thị trường kinh doanh quốc tế và sẽ phát triển các kỹ năng để tận dụng các cơ hội kinh doanh toàn cầu ngày nay. Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội làm việc tại các tổ chức có khuynh hướng kinh doanh trên thị trường toàn cầu, đặc biệt các Tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, ngân hàng, doanh nghiệp logistics cũng như làm việc ở các tổ chức của Liên hiệp quốc và của Chính phủ về lĩnh vực thương mại quốc tế.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế với 02 chuyên ngành do khoa Thương mại – Du lịch – Marketing phụ trách.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	

6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	41		
11	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	TM-DL-MAR	
12	Quản trị nhân sự công ty đa quốc gia	3	TM-DL-MAR	
13	Quản trị tài chính	3	QTKD	
14	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
15	Marketing quốc tế	3	TM-DL-MAR	
16	Quản trị tài chính quốc tế	3	TM-DL-MAR	
17	Quản trị xuất nhập khẩu	3	TM-DL-MAR	
18	Quản trị chuỗi cung ứng	3	TM-DL-MAR	
19	Xây dựng dự án kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
20	Nghiên cứu marketing	3	TM-DL-MAR	
21	Pháp luật trong kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
22	Quản trị marketing	3	TM-DL-MAR	
23	Quản trị quan hệ khách hàng	3	TM-DL-MAR	
24	Thị trường chứng khoán	2	NH	Chọn 1 trong 2
	Thương mại điện tử		TM-DL-MAR	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.1 Chuyên ngành Ngoại thương

7.1.1 **Mục tiêu đào tạo:** Chương trình đào tạo chuyên ngành ngoại thương cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về thương mại quốc tế, tạo sự tự tin để có thể thành công ở môi trường nước ngoài. Sinh viên chuyên ngành ngoại thương được trang bị lý thuyết về logistics và chuỗi cung ứng, tài chính quốc tế, marketing quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, logistics, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, nghiên cứu thị trường xuất khẩu... Đồng thời, sinh viên có kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống trong hoạt động ngoại thương và có khả năng hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh xuất nhập khẩu.

7.1.1 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	39		
11	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	TM-DL-MAR	
12	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	TM-DL-MAR	
13	Marketing quốc tế	3	TM-DL-MAR	
14	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
15	Quản trị xuất nhập khẩu	3	TM-DL-MAR	
16	Phân tích báo cáo tài chính	3	TC	
17	Dự án kinh doanh	3	TM-DL-MAR	
18	Kế toán quản trị	3	KT-KT	
19	Logistics	3	TM-DL-MAR	
20	Tài chính quốc tế	3	TM-DL-MAR	
21	Thị trường chứng khoán	3	NH	
22	Nghiên cứu marketing	3	TM-DL-MAR	
23	Giao tiếp kinh doanh	3	TM-DL-MAR	Chọn 1 trong

	Thương mại điện tử			2
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	77		

7.2 Chuyên ngành Thương mại

7.2.1 **Mục tiêu đào tạo:** Chuyên ngành thương mại đào tạo cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về thương mại, tạo sự tự tin để có thể thành công trong kinh doanh. Sinh viên ngành thương mại được trang bị nắm vững các lý thuyết về quản trị bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng, tài chính, marketing, nghiên cứu hành vi tiêu dùng ... có khả năng thực hành các kiến thức, các kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống trong kinh doanh, có khả năng nghiên cứu độc lập về vấn đề chuyên môn, hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh.

7.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	41		
11	Phân tích báo cáo tài chính	3	TC	
12	Quản trị marketing	3	TM-DL-MAR	
13	Giao tiếp kinh doanh	3	TM-DL-MAR	
14	Hành vi khách hàng	3	TM-DL-MAR	
15	Quản trị chiến lược	3	TM-DL-MAR	

16	Quản trị xuất nhập khẩu	3	TM-DL-MAR	
17	Quản trị bán hàng	3	TM-DL-MAR	
18	Quản trị bán lẻ	3	TM-DL-MAR	
19	Quản trị mua hàng và lưu kho	3	TM-DL-MAR	
20	Quản trị kinh doanh dịch vụ	3	TM-DL-MAR	
21	Marketing quốc tế	3	TM-DL-MAR	
22	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
23	Thị trường chứng khoán	3	NH	Chọn 1 trong 2
	Tài chính quốc tế		TM-DL-MAR	
24	Quản trị thương hiệu	2	TM-DL-MAR	Chọn 1 trong 2
	Thanh toán quốc tế		NH	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Marketing
Mã ngành: 52340115

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng hoạt động hiệu quả trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Nội dung của chương trình giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề và ra quyết định marketing nhằm tận dụng cơ hội kinh doanh, xây dựng và quảng bá thương hiệu của tổ chức. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các bộ phận marketing, kinh doanh... tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước có qui mô và lĩnh vực hoạt động khác nhau như sản xuất, thương mại, dịch vụ, truyền thông, giáo dục, y tế... hoặc là cán bộ quản lý, nhà tham mưu marketing vùng trong các cơ quan địa phương các cấp, trong các tổ chức Chính phủ, cơ quan hoạch định chính sách phát triển cho các địa phương.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Marketing do khoa Thương mại – Du lịch – Marketing phụ trách.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	

6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	39		
11	Quản trị chiến lược	3	TM-DL-MAR	
12	Hành vi người tiêu dùng	3	TM-DL-MAR	
13	Marketing công nghiệp	3	TM-DL-MAR	
14	Quảng cáo	3	TM-DL-MAR	
15	Marketing dịch vụ	3	TM-DL-MAR	
16	Marketing quốc tế	3	TM-DL-MAR	
17	Nghiên cứu marketing	3	TM-DL-MAR	
18	Quan hệ công chúng	3	TM-DL-MAR	
19	Quản trị marketing	3	TM-DL-MAR	
20	Quản trị thương hiệu	3	TM-DL-MAR	
21	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	TM-DL-MAR	
22	Quản trị bán hàng	6	TM-DL-MAR	Chọn 3 trong 4: 3x2=6
	E – Marketing		TM-DL-MAR	
	Thanh toán quốc tế		NH	
	Thương mại điện tử		TM-DL-MAR	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	77		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành: 52340201

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** đào tạo cử nhân kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng; có khả năng nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các cơ quan ngân hàng tài chính trung ương, địa phương hoặc doanh nghiệp.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng và phân công các khoa phụ trách.

Khoa Tài chính công

- Chuyên ngành Tài chính công
- Thuế

Khoa Tài chính

- Chuyên ngành Tài chính
- Chuyên ngành Bảo hiểm

Khoa Ngân hàng

- Chuyên ngành Ngân hàng
- Chuyên ngành Chứng khoán

7.1 Chuyên ngành Tài chính công

7.1.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân có năng lực nghiên cứu, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về quản lý tài chính và quản trị khu vực công cụ thể là thiết kế, đánh giá và tư vấn về các chính sách công; hiểu và ứng dụng tốt các nguyên tắc quản trị khu vực công; sử dụng tốt các kỹ năng phân tích trong quản trị tài chính và các nguồn lực của xã hội cũng như quản trị sự thay đổi khu vực công trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu; thiết kế nghiên cứu và ứng dụng tốt các phương pháp nghiên cứu chính sách công. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ sở sau đây các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, các định chế tài chính công từ trung ương đến địa phương; các đơn vị cung cấp hàng

hóa/dịch vụ công; các doanh nghiệp, các định chế tài chính – ngân hàng, công ty kiểm toán và tư vấn thuế trong nước và quốc tế.

7.1.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành	21		
11	Tài chính doanh nghiệp	3	TC	
12	Tài chính quốc tế	3	TC	
13	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	NH	
14	Thị trường tài chính	2	NH	
15	Tài chính công I	2	TCC	
16	Thuế	2	TCC	
17	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	2	TC	
18	Thanh toán quốc tế	2	NH	
19	Toán tài chính	2	TC	

	Kiến thức bổ trợ	7		
20	Kế toán tài chính	3	KT-KT	
21	Kiểm toán	4	KT-KT	Chọn 2 trong 3: 2x2=4
	Kinh tế lượng		T-TK	
	Quản trị doanh nghiệp		QTKD	
	Kiến thức chuyên ngành	14		
22	Tài chính công II	2	TCC	
23	Thuế II	2	TCC	
24	Phân tích báo cáo tài chính – Kiểm tra thuế	2	TCC	Chọn 1 trong 2
	Quản trị công			
25	Tài chính công III	2	TCC	
26	Quản lý tài chính các đơn vị dịch vụ công	2	TCC	
27	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	2	TCC	
28	Thẩm định dự án đầu tư khu vực công	2	TCC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.2 Chuyên ngành Thuế

7.2.1 Mục tiêu đào tạo: có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập; có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý kinh tế - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành Tài chính công.

7.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	

5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức bổ trợ	15		
11	Luật doanh nghiệp	3	Luật	
12	Tài chính doanh nghiệp	3	TC	
13	Tài chính công	3	TCC	
14	Kế toán tài chính 1	3	KT-KT	
15	Kế toán tài chính 2	3	KT-KT	
	Kiến thức chuyên ngành	24		
16	Nguyên lý thuế	3	TCC	
17	Luật Quản lý thuế	2	TCC	
18	Hoạch định thuế	2	TCC	
19	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	3	TCC	
20	Thuế Giá trị gia tăng	2	TCC	
21	Thuế Xuất – Nhập khẩu	3	TCC	
22	Thuế Thu nhập Cá nhân	3	TCC	
23	Đạo đức Thuế	2	TCC	
24	Thuế Quốc tế	4	TCC	Chọn 2 trong 4: 2x2=4
	Thuế tài sản		TCC	
	Kế toán chi phí		KT-KT	
	Phân tích báo cáo tài chính		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	76		

7.3 Chuyên ngành Tài chính

7.3.1 Mục tiêu đào tạo: trang bị cho sinh viên kiến thức kinh tế tài chính hiện đại liên thông với các trường đại học trên thế giới và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm: các kiến thức tài chính doanh nghiệp hiện đại, quản trị tài chính các công ty đa quốc gia, tài chính quốc tế, hoạch định ngân sách vốn đầu tư, đầu tư chứng khoán, kế toán – kiểm toán, phân tích tài chính, hệ thống thông tin tài chính, thị trường chứng khoán, nghiệp vụ ngân hàng và bảo hiểm.

7.3.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức bổ trợ	6		
11	Kế toán tài chính	6	KT-KT	Chọn 2 trong 3: 2x3=6
	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại		NH	
	Kinh tế lượng		T-TK	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	33		
12	Hoạch định ngân sách vốn	3	TC	
13	Tài chính doanh nghiệp I	4	TC	
14	Tài chính doanh nghiệp II	4	TC	
15	Tài chính quốc tế	4	TC	

16	Quản trị rủi ro tài chính	3	TC	
17	Đầu tư tài chính	3	TC	
18	Mô hình tài chính	3	TC	Thực hành, thi máy
19	Phân tích tài chính	3	TC	
20	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	TC	
21	Thị trường tài chính	3	NH	Chọn 1 trong 2
	Kiểm toán		KT-KT	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	76		

7.4 Chuyên ngành Bảo hiểm

7.4.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về ngành tài chính – ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về ngành bảo hiểm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có chuyên môn cao về quản lý ở các tổ chức tài chính nói chung, các tổ chức bảo hiểm nói riêng. Sinh viên tốt nghiệp có thể công tác tại các tổ chức bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế); cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội); các tổ chức tài chính trung gian (ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty quản lý quỹ ...) và các tổ chức kinh tế xã hội khác (với tư cách là người quản trị tài chính về rủi ro và bảo hiểm).

7.4.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	

8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức bổ trợ	6		
11	Kế toán tài chính	6	KT-KT	Chọn 2 trong 3: 2x3=6
	Thiết lập và thẩm định dự án		KT	
	Kinh tế lượng		T-TK	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	35		
12	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	TC	
13	Bảo hiểm phi hàng hải	3	TC	
14	Bảo hiểm hàng hải	3	TC	
15	Bảo hiểm con người	3	TC	
16	Tái bảo hiểm	3	TC	
17	Định phí sản phẩm bảo hiểm	3	TC	
18	Tổ chức quản lý doanh nghiệp bảo hiểm	3	TC	
19	Tài chính doanh nghiệp I	4	TC	
20	Quản trị tài chính – kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	4	TC	
21	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	NH	
22	Đầu tư tài chính	3	TC	Chọn 1 trong 2
	Thị trường tài chính		NH	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	78		

7.5 Chuyên ngành Ngân hàng

7.5.1 Mục tiêu đào tạo: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường chứng khoán. Huấn luyện kỹ năng nghề nghiệp để sinh viên có thể tìm việc làm và đảm nhận công việc được giao trong ngân hàng (cán bộ tín dụng, nhân viên kế toán, kế toán viên phòng thanh toán quốc tế, nhân viên kinh doanh ngoại tệ) công ty chứng khoán (nhà môi giới và kinh doanh chứng khoán), tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính - ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác.

7.5.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	33		
11	Tài chính doanh nghiệp I	3	TC	
12	Kế toán tài chính	3	KT-KT	
13	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	NH	
14	Thị trường tài chính	3	NH	
15	Ngân hàng Trung ương	3	NH	
16	Thanh toán quốc tế I và II	4	NH	
17	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại I và II	4	NH	
18	Thẩm định tín dụng	3	NH	
19	Kế toán ngân hàng	4	NH	
20	Quản trị ngân hàng thương mại	3		
	Học phần tự chọn	7		
21	Luật doanh nghiệp	3	Luật	Chọn 1 trong 2
	Phân tích hoạt động kinh doanh		KT-KT	

22	Thuế	2	TCC	Chọn 1 trong 2
	Thẩm định dự án		TC	
23	Luật Ngân hàng – chứng khoán	2	NH	Chọn 1 trong 2
	Marketing Ngân hàng		NH	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	77		

7.6 Chuyên ngành Chứng khoán

7.6.1 Mục tiêu đào tạo: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về thị trường chứng khoán. Có khả năng phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật về thị trường chứng khoán. Có khả năng tham gia đầu tư và quản lý danh mục đầu tư có hiệu quả trên thị trường chứng khoán. Huấn luyện kỹ năng nghề nghiệp để sinh viên có thể tìm việc làm và đảm nhận công việc tại các vị trí khác nhau trên thị trường chứng khoán, như: làm việc tại các Vụ chuyên môn của Ủy ban chứng khoán, đảm nhận các vị trí trong Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, làm việc tại các công ty chứng khoán với các chức danh như nhà tư vấn đầu tư chứng khoán, chuyên gia phân tích thị trường, quản lý danh mục đầu tư, môi giới, tư doanh hoặc có thể làm việc tại các công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư, các công ty niêm yết.

7.6.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Marketing căn bản	3	TM-DL-MAR	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	

	Kiến thức ngành, chuyên ngành	34		
11	Tài chính doanh nghiệp I	3	TC	
12	Kế toán tài chính	3	KT-KT	
13	Nghiệp vụ ngân hàng Trung ương	3	NH	
14	Thanh toán quốc tế I	3	NH	
15	Nghiệp vụ ngân hàng trên thị trường chứng khoán	4	NH	
16	Thị trường chứng khoán	4	NH	
17	Phân tích đầu tư chứng khoán	5	NH	
18	Luật chứng khoán	3	NH	
19	Chứng khoán phái sinh	3	NH	
20	Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	3	NH	
	Học phần tự chọn	7		
21	Kiểm toán	3	KT-KT	Chọn 1 trong 2
	Kế toán ngân hàng		NH	
22	Mô hình tài chính	2	NH	Chọn 1 trong 2
	Quản trị ngân hàng thương mại		NH	
23	Thuế	2	TCC	Chọn 1 trong 2
	Thẩm định dự án		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	78		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã ngành: 52340301

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, qui trình công nghệ kế toán, phân tích hoạt động kinh doanh; có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các doanh nghiệp và các bộ phận chức năng kế toán kiểm toán tại các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước khác.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Kế toán với 02 chuyên ngành do khoa Kế toán – Kiểm toán phụ trách.

7.1 Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

7.1.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo ra những Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp có năng lực chuyên môn tốt, có tính năng động sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược, biết điều hành quản lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh, thích ứng và biết kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, thực hiện và quản lý hoạt động tài chính, kế toán ở tầm vi mô và vĩ mô. Sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các cơ quan tài chính, cục thuế, kho bạc, ngân hàng, các công ty bảo hiểm, công ty kiểm toán, viện nghiên cứu kinh tế - tài chính, các trường đại học.

7.1.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	

3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	37		
11	Kế toán tài chính 1, 2	4	KT-KT	
12	Hệ thống thông tin kế toán 1	4	KT-KT	
13	Kiểm toán	4	KT-KT	
14	Kế toán chi phí	4	KT-KT	
15	Kế toán quản trị	4	KT-KT	
16	Kế toán tài chính 3, 4	4	KT-KT	
17	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	KT-KT	
18	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	KT-KT	
19	Kế toán tài chính 5	3	KT-KT	
20	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	KT-KT	
21	Hệ thống thông tin kế toán 3	2	KT-KT	
	Học phần tự chọn	6		
22	Thuế	6	TCC	Chọn 2 trong 3: 2x3=6
	Thanh toán quốc tế I		NH	
	Quản trị tài chính		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	81		

7.2 Chuyên ngành Kiểm toán

7.2.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân chuyên ngành Kiểm toán có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị các kiến thức hỗ trợ như thuế, phân tích tài chính, luật kinh tế, kiến thức quản trị kinh doanh và các kỹ năng tin học, ngoại ngữ để sinh viên có thể tích ứng nhanh với sự thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán có thể làm việc ở các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán nhà nước hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ ở các doanh nghiệp, có thể làm kế toán ở các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác, có thể hành nghề độc lập như một chuyên gia về kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính hay tư vấn về thuế, về đầu tư ... nếu đáp ứng được yêu cầu của qui chế quản lý nghề nghiệp hiện hành.

7.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	28		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
9	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	38		
11	Kế toán tài chính	6	KT-KT	
12	Kế toán chi phí	4	KT-KT	
13	Kế toán quản trị	3	KT-KT	
14	Kiểm toán 1	3	KT-KT	
15	Hệ thống thông tin kế toán	6	KT-KT	
16	Quản trị tài chính	3	TC	

17	Thuế	2	TCC	
18	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	2	KT-KT	
19	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	2	KT-KT	
20	Kiểm soát nội bộ	2	KT-KT	
21	Kế toán quốc tế 1	2	KT-KT	
22	Kế toán quốc tế 2	3	KT-KT	
	Học phần tự chọn	4		
23	Lý thuyết kế toán	2	KT-KT	Chọn 1 trong 2
	Kiểm toán hoạt động		KT-KT	
24	Luật doanh nghiệp	2	Luật	Chọn 1 trong 2
	Phân tích và thẩm định đầu tư tài chính		TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	80		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Hệ thống Thông tin Quản lý
Mã ngành: 52340405

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về toán ứng dụng, thống kê, tin học kinh tế và quản lý; biết ứng dụng các phương pháp toán, thống kê, các phương pháp và sản phẩm tin học trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế xã hội.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý với 03 chuyên ngành và phân công các khoa phụ trách.

Khoa Toán – Thống kê

- Chuyên ngành Toán tài chính
- Chuyên ngành Thống kê kinh doanh

Khoa Hệ thống thông tin kinh doanh

- Chuyên ngành Tin học quản lý

7.1 Chuyên ngành Toán tài chính

7.1.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế là những chuyên gia kỹ thuật quản lý được trang bị các kiến thức nền tảng về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh, đồng thời có các kiến thức chuyên ngành về toán ứng dụng trong kinh tế bao gồm phân tích kinh tế định lượng, các phương pháp dự báo ứng dụng trong kinh doanh và công cụ xử lý số liệu. Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích độc lập các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, những biến động kinh tế và các tác động của các chính sách kinh tế dưới góc độ định lượng trên cơ sở thiết lập và ứng dụng những mô hình toán tài chính và các mô hình toán học hiện đại khác vào lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng ... Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các công ty tài chính, các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, các ngân hàng, các trường đại học, bộ, ngành và các cơ quan nhà nước.

7.1.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Toán rời rạc (toán hữu hạn)	3	HTTTKD	
9	Tối ưu hóa	2	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành	18		
11	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	
12	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
13	Phân tích dữ liệu	2	T-TK	
14	Kinh tế lượng I	2	T-TK	
15	Thống kê toán	2	T-TK	
16	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	NH	Chọn 1 trong 2
	Hệ thống thông tin quản lý		HTTTKD	
17	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	2	TC	Chọn 1 trong 2
	Marketing căn bản		TM-DL-MAR	
18	Tài chính doanh nghiệp	2	TC	
	Kiến thức bổ trợ	6		
19	Kế toán tài chính	2	KT-KT	
20	Thị trường tài chính	2	NH	

21	Mô hình tài chính	2	TC	
	Kiến thức chuyên ngành	18		
22	Quá trình ngẫu nhiên	2	T-TK	
23	Kinh tế lượng ứng dụng	2	T-TK	
24	Toán tài chính I	2	T-TK	
25	Toán tài chính II	2	T-TK	
26	Các phương pháp dự báo tài chính	2	T-TK	
27	Tài chính quốc tế	2	TC	
28	Quyền chọn và hợp đồng giao sau	2	NH	
29	Đầu tư tài chính	2	TC	
30	Quản trị rủi ro tài chính	2	TC	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.2 Chuyên ngành Thống kê kinh doanh

7.2.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Thống kê kinh doanh là những chuyên gia về kỹ thuật nghiên cứu và phân tích. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực lập kế hoạch nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và tổ chức thực hiện các cuộc nghiên cứu. Tùy theo yêu cầu của công ty tuyển dụng, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận khác nhau như: dịch vụ khách hàng, thiết kế nghiên cứu, đo lường, xử lý dữ liệu (Data processing), phân tích dữ liệu (Data analysis), ... Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các tổ chức và công ty cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường; các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có bộ phận nghiên cứu và phân tích dữ liệu nội bộ; các tổ chức có nhu cầu nghiên cứu và phân tích dữ liệu; thành lập tổ chức cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và tư vấn kinh doanh và tiếp thị; tham gia huấn luyện, đào tạo thống kê tại các doanh nghiệp và giảng dạy thống kê tại các cơ sở đào tạo.

7.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	

4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Toán rời rạc (toán hữu hạn)	3	HTTTKD	
9	Tối ưu hóa	2	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành	17		
11	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	T-TK	
12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu I	2	HTTTKD	
13	Thống kê kinh tế	3	T-TK	
14	Phân tích dữ liệu	3	T-TK	
15	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	2	HTTTKD	Chọn 1 trong 2
	Hệ thống thông tin quản lý			
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	TCC	
17	Quản trị chiến lược	2	QTKD	Chọn 1 trong 2
	Marketing căn bản		TM-DL-MAR	
	Kiến thức bổ trợ	7		
18	Kế toán tài chính	2	KT-KT	
19	Tài chính doanh nghiệp	3	TC	
20	Thương mại điện tử	2	TM-DL-MAR	
	Kiến thức chuyên ngành	18		
21	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2	T-TK	
22	Phương pháp nghiên cứu thị trường	2	TM-DL-MAR	
23	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế II	3	T-TK	
24	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	T-TK	
25	Phân tích dữ liệu thị trường I	3	T-TK	

26	Phân tích dữ liệu thị trường II	3	T-TK	
27	Khai thác dữ liệu	2	T-TK	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		

7.3 Chuyên ngành Tin học quản lý

7.3.1 Mục tiêu đào tạo: đào tạo cử nhân kinh tế nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và quản trị kinh doanh, có kiến thức chuyên sâu về tin học kinh tế, có năng lực tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học trong hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở các bộ phận tin học, quản trị các hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp, các công ty, ngân hàng, các cơ quan nhà nước ... Ngoài ra, có thể làm việc tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, thiết kế và xây dựng phần mềm.

7.3.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	27		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Toán cao cấp	4	T-TK	
6	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
7	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
8	Toán rời rạc (toán hữu hạn)	3	HTTTKD	
9	Tối ưu hóa	2	T-TK	
10	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	39		
11	Cơ sở lập trình (CSLT)	3	HTTTKD	Học sau 8
12	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	2	HTTTKD	Học sau 8
13	Mạng và truyền thông (MTT)	2	HTTTKD	Học sau 12
14	Cơ sở dữ liệu (CSDL)	3	HTTTKD	Học sau 8,11

15	Cấu trúc dữ liệu và truyền thông (DSA)	3	HTTTKD	Học sau 11
16	Lập trình hướng đối tượng I	3	HTTTKD	Học sau 14
17	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu I	3	HTTTKD	Học sau 14,15
18	Hệ thống thông tin quản lý	3	HTTTKD	- Quản trị học - Tin học đại cương
19	Lập trình hướng đối tượng II	2	HTTTKD	Học sau 16
20	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu II	2	HTTTKD	- Cơ sở lập trình - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Cơ sở dữ liệu - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 - Phát triển hệ thống thông tin kinh tế - Lập trình hướng đối tượng 1
21	Tích hợp hệ thống	2	HTTTKD	
22	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	3	HTTTKD	Học sau 16
23	Phân tích thiết kế Hệ đối tượng	2	HTTTKD	Học sau 16
24	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP system)	2	HTTTKD	Học sau 16
25	Hệ trợ giúp ra quyết định	2	HTTTKD	Học sau 16
26	Thương mại điện tử	2	HTTTKD	Học sau 16
	Học phần tự chọn	5		
27	Lập trình mạng I	2	HTTTKD	Học sau 16
	Phần mềm mã nguồn mở			- Hệ điều hành
28	Lập trình mạng II	3	HTTTKD	- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Lập trình mạng 1
	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở			- Phần mềm mã nguồn mở
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	81		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Văn bằng 2 Chính quy
Ngành đào tạo: Luật
Mã ngành: 52380101

*(Ban hành tại Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)*

- Mục tiêu đào tạo:** Chương trình đào tạo ngành Luật, chuyên ngành Luật kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo cử nhân luật có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và kỹ năng chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh trên cơ sở kiến thức về kinh tế và quản trị kinh doanh; có đủ khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản lý nhà nước đối với nền kinh tế của Việt Nam.
- Thời gian đào tạo:** 2,5 năm, kể cả thực tập và tốt nghiệp
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 77 ÷ 81 tín chỉ kể cả 2 môn thi đầu vào Kinh tế vi mô I và Quản trị học, riêng chuyên ngành Kinh tế chính trị có 68 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh:** người có văn bằng tốt nghiệp Đại học chính quy
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thang điểm:** 10
- Nội dung chương trình đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh hiện đào tạo ngành Luật với 01 chuyên ngành Luật kinh doanh do khoa Luật phụ trách.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Khoa/ban	Điều kiện tiên quyết
	Kiến thức đại cương và cơ sở khối ngành	23		
1	Kinh tế vi mô I	3	KT	
2	Quản trị học	3	QTKD	
3	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin (nâng cao)	2	LLCT	
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN (nâng cao)	2	LLCT	
5	Kinh tế vĩ mô I	3	KT	
6	Nguyên lý kế toán	3	KT-KT	
7	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	TCC	

8	Pháp luật đại cương	2	Luật	
9	Kinh tế quốc tế	2	KT	
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40		
10	Lý luận chung Nhà nước và pháp luật	2	Luật	
11	Luật hiến pháp	2	Luật	
12	Luật hành chính	2	Luật	
13	Luật hình sự	2	Luật	
14	Luật Tố tụng hình sự	2	Luật	
15	Luật dân sự I	3	Luật	
16	Luật dân sự II	2	Luật	
17	Luật Tố tụng dân sự	2	Luật	
18	Luật thương mại I	3	Luật	
19	Luật thương mại II	2	Luật	
20	Luật thương mại quốc tế	2	Luật	
21	Luật lao động	2	Luật	
22	Luật sở hữu trí tuệ	2	Luật	
23	Luật đất đai	2	Luật	
24	Công pháp quốc tế	2	Luật	
25	Tư pháp quốc tế	2	Luật	
26	Luật học so sánh	2	Luật	
27	Logic học	2	Luật	
28	Luật cạnh tranh	2	Luật	
	Học phần tự chọn	6		
29	Luật Tài chính	6	TCC	Chọn 3 trong 7: 3x2=6
	Luật kinh doanh bảo hiểm		TC	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản		Luật	
	Luật ngân hàng		NH	
	Luật Môi trường		Luật	
	Kỹ năng hành nghề luật		Luật	

	Hành vi tổ chức		QTKD	
	Thực tập và tốt nghiệp	10		
	Tổng cộng	79		